

- VPKD : 79/35 Âu Cơ, Phường 14, Quận 11, TP.HCM.
- ĐT : (028) 3 974 0553 – 3 974 2303 ; Fax : (028) 3860 1748.
- Nhà máy sản xuất : Lô 38, KCN Tân Tạo mở rộng, Quận Bình Tân, TP.HCM
- ĐT : 028 3756 2 954 ; Fax : 028 3756 2960. Email : taitruongthanh@hcm.vnn.vn

Số 01 :2018/BG.TACA

Ngày 15/08/2019

Dây & Cáp 01 Lõi Đồng, Cách Điện PVC 0,6/1KV

STT	QUI CÁCH	ĐVT	LOẠI II	LOẠI I	
				KẾT CẤU	ĐƠN GIÁ
	Cáp Đơn Đồng				
1	CV 8.0 mm ²	đồng/mét	12.600		
2	CV 11 mm ²	“	16.900		
3	CV 14 mm ²	“	22.200	7s / 1,60	25.000
4	CV 16 mm ²	“		7s / 1,70	28.000
5	CV 22 mm ²	“	31.200	7s / 2,00	38.200
6	CV 25 mm ²	“		7s / 2,10	42.200
7	CV 35 mm ²	“		7s / 2,50	59.500
8	CV 38 mm ²	“	61.500	19s / 1,60	67.500
9	CV 50 mm ²	“	76.000	19s / 1,80	85.000
10	CV 70 mm ²	“		19s / 2,10	115.500
Cáp Pha 02 Lõi Đồng, Cách Điện 0,6/1KV, Vỏ PVC:					
			CVV	ĐK	
11	CVV 2 x 6.0	đồng/mét	28.000	31.500	
12	CVV 2 x 8.0 M	“	32.000	35.500	
13	CVV 2 x 11 M	“	42.000	46.000	
14	CVV 2 x 14 M	“	54.500	59.500	
15	CVV 2 x 14	“	61.000	66.000	
16	CVV 2 x 16	“	67.500	73.000	
17	CVV 2 x 22 M	“	74.000	80.500	
18	CVV 2 x 22	“	90.000	98.000	
19	CVV 3 x 6.0 + 1 x 3.5	đồng/mét	50.000	54.000	
20	CVV 3 x 8.0 + 1 x 3.5 M	“	55.000	58.500	
21	CVV 3 x 11 + 1 x 6.0 M	“	72.500	78.000	
22	CVV 3 x 14 + 1 x 8.0 M	“	93.000	98.500	
23	CVV 3 x 16 + 1 x 8.0	“	109.500	115.500	
24	CVV 3 x 22 + 1 x 11 M	“	127.500	133.000	

Giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT),



Trần Bảo Quân

- VPKD : 79/35 Âu Cơ, Phường 14, Quận 11, TP.HCM.
- ĐT : (028) 3 974 0553 – 3 974 2303 ; Fax : (028) 3860 1748.
- Nhà máy sản xuất : Lô 38, KCN Tân Tạo mở rộng, Quận Bình Tân, TP.HCM
- ĐT : 028 3756 2 954 ; Fax : 028 3756 2960. Email : taitruongthanh@hcm.vnn.vn

Dây & Cáp Lõi Đồng, Cách Điện PVC 0,6/1KV

STT	QUI CÁCH	ĐVT	LOẠI III	LOẠI II	LOẠI I
Cáp Duplex (Cáp 2 lõi đồng)					
25	DV 6.0	"			21.700
26	DV 8.0	"		26.700	
27	DV 11	"	35.000		
28	DV 14	"		45.500	50.500
29	DV 16	"			56.500
30	DV 22	"		63.000	77.500
Cáp Hàn (Wilding Cable)					
31	Cáp hàn 25	Đồng/mét		20.500	
32	Cáp hàn 35	"		29.500	
33	Cáp hàn 50	"		41.000	
34	Cáp hàn 70	"		72.000	

Dây & Cáp Pha Lõi Đồng Mềm, Cách Điện PVC 0,6/1KV

STT	QUI CÁCH	ĐVT	ĐƠN GIÁ	GHI CHÚ
Loại 01 Lõi Đồng Mềm				
35	Vcm 1.0 mm ²	Đồng/Kg	108.000	74,59 mét/kg
36	Vcm 1.5 mm ²	"	114.000	61,58 mét/kg
37	Vcm 2.5 mm ²	"	129.000	44,5 mét/kg
38	Vcm 4.0 mm ²	"	129.500	32,93 mét/kg
39	Vcm 6.0 mm ²	"	137.000	21,55 mét/kg
40	Vcm 8.0 mm ²	Đồng/mét	10.000	17,39 mét/kg
41	Vcm 10 mm ²	"	11.500	14,15 mét/kg
42	Vcm 16 mm ²	"	16.000	10,15 mét/kg
43	Vcm 25 mm ²	"	24.000	7,04 mét/kg
44	Vcm 35 mm ²	"	34.000	5 mét/kg
45	Vcm 50 mm ²	"	47.000	3,62 mét/kg
46	Vcm 70 mm ²	"	77.000	2,34 mét/kg

Giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT),

15/8/2019

Trần Bảo Quân

- VPKD : 79/35 Âu Cơ, Phường 14, Quận 11, TP.HCM.
- ĐT : (028) 3 974 0553 – 3 974 2303 ; Fax : (028) 3860 1748.
- Nhà máy sản xuất : Lô 38, KCN Tân Tạo mở rộng, Quận Bình Tân, TP.HCM
- ĐT : 028 3756 2 954 ; Fax : 028 3756 2960. Email : taitruongthanh@hcm.vnn.vn

Số 01 :2018/BG.TACA

Ngày 15/08/2019

Dây & Cáp Pha Lõi Đồng Mềm, Cách Điện PVC 0,6/1KV

STT	QUI CÁCH	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐƠN GIÁ	GHI CHÚ
Loại 02 Lõi Đồng Mềm				
47	Vvcm 2 x 1.0 mm ²	Đồng/mét	5.000	Vỏ màu xám
48	Vvcm 2 x 1.5 mm ²	"	6.000	"
49	Vvcm 2 x 2.5 mm ²	"	8.500	"
50	Vvcm 2 x 4.0 mm ²	"	11.700	"
51	Vvcm 2 x 6.0 mm ²	"	17.600	"
52	Vvcm 2 x 8.0 mm ²	"	24.300	Vỏ màu đen
53	Vvcm 2 x 10 mm ²	"	30.000	"
54	Vvcm 2 x 16 mm ²	"	41.300	"
55	Vvcm 2 x 25 mm ²	"	61.000	"
56	Vvcm 2 x 35 mm ²	"	83.500	"
57	Vvcm 2 x 50 mm ²	"	114.500	"
58	Vvcm 2 x 70 mm ²	"	180.500	"
Loại 03 Lõi Đồng Mềm				
59	Vvcm 3 x 1.0 mm ²	Đồng/mét	7.000	Vỏ màu xám
60	Vvcm 3 x 1.5 mm ²	"	8.300	"
61	Vvcm 3 x 2.5 mm ²	"	11.900	"
62	Vvcm 3 x 4.0 mm ²	"	16.500	"
63	Vvcm 3 x 6.0 mm ²	"	24.700	"
64	Vvcm 3 x 8.0 mm ²	"	34.000	Vỏ màu đen
65	Vvcm 3 x 10 mm ²	"	41.300	"
66	Vvcm 3 x 16 mm ²	"	58.000	"
67	Vvcm 3 x 25 mm ²	"	87.000	"
68	Vvcm 3 x 35 mm ²	"	118.000	"
69	Vvcm 3 x 50 mm ²	"	162.500	"
70	Vvcm 3 x 70 mm ²	"	258.500	"
Loại 04 Lõi Đồng Mềm				
71	VCm 4 x 1.0 mm ²	Đồng/mét	8.500	Vỏ màu xám
72	VCm 4 x 1.5 mm ²	"	9.800	"
73	VCm 4 x 2.5 mm ²	"	13.100	"
74	VCm 4 x 4.0 mm ²	"	17.900	"
75	VCm 4 x 6.0 mm ²	"	27.000	"
76	VCm 4 x 8.0 mm ²	"	36.000	Vỏ màu đen
77	VCm 4 x 10 mm ²	"	47.500	"
78	VCm 4 x 16 mm ²	"	63.500	"
79	VCm 4 x 25 mm ²	"	94.500	"
80	VCm 4 x 35 mm ²	"	132.000	"
81	VCm 4 x 50 mm ²	"	183.000	"
82	VCm 4 x 70 mm ²	"	288.000	"

Giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT),

15/8/2019

Trần Bảo Quân

- VPKD : 79/35 Âu Cơ, Phường 14, Quận 11, TP.HCM.
- ĐT : (028) 3 974 0553 – 3 974 2303 ; Fax : (028) 3860 1748.
- Nhà máy sản xuất : Lô 38, KCN Tân Tạo mở rộng, Quận Bình Tân, TP.HCM
- ĐT : 028 3756 2 954 ; Fax : 028 3756 2960. Email : taitruongthanh@hcm.vnn.vn

Số 01 :2018/BG.TACA

Ngày 15/08/2019

Dây & Cáp Pha Lõi Đồng Mềm, Cách Điện PVC 0,6/1KV

Loại Cáp Điều Khiển 05 Lõi Đồng Mềm				
83	Vvcm 5 x 1.0 mm ²	“	13.500	Vỏ màu xám
84	Vvcm 5 x 1.5 mm ²	“	16.000	“
85	Vvcm 5 x 2.5 mm ²	“	22.500	“
86	Vvcm 5 x 4.0 mm ²	“	29.500	“
87	Vvcm 5 x 6.0 mm ²	“	44.500	“
Loại Cáp Điều Khiển 07 Lõi Đồng Mềm				
88	Vvcm 7 x 1.0 mm ²	“	16.500	Vỏ màu xám
89	Vvcm 7 x 1.5 mm ²	“	20.000	“
90	Vvcm 7 x 2.5 mm ²	“	28.500	“
91	Vvcm 7 x 4.0 mm ²	“	38.000	“
92	Vvcm 7 x 6.0 mm ²	“	58.000	“

Dây Cáp Trần

STT	QUI CÁCH	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐƠN GIÁ	GHI CHÚ
<u>Dây Cáp Đồng Trần</u>				
93	C 11	Đồng/Kg		
94	C 14 – C 16	“		
95	C 22 – C 25 – C 35	“		
96	C 38 – C 50	“		

SẢN PHẨM NHÔM - THÉP

Dây Cáp Nhôm Trần

97	A 16	Đồng/Kg		
98	A 25	“		
99	A 35 – -->A 95	“		
<u>Cáp Thép (Nguyên liệu nhà máy thép Bình Tây)</u>				
100	S 3/8	VNĐ /Kg		
101	S 5/8	“		
102	S 7/8	“		
<u>Dây Cáp Nhôm Lõi Thép Trần & Dây Cáp Nhôm Lõi Thép Bọc Mỡ (ACKP)</u>				
103	AS 35/6	đồng/kg	47.500	
104	AS 50/8	“	47.000	
105	AS 70/11	“	47.000	
106	AS 95/16	“	47.000	

Giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT),

- VPKD : 79/35 Âu Cơ, Phường 14, Quận 11, TP.HCM.
- ĐT : (028) 3 974 0553 – 3 974 2303 ; Fax : (028) 3860 1748.
- Nhà máy sản xuất : Lô 38, KCN Tân Tạo mở rộng, Quận Bình Tân, TP.HCM
- ĐT : 028 3756 2 954 ; Fax : 028 3756 2960. Email : taitruongthanh@hcm.vnn.vn

Số 01 :2018/BG.TACA

Ngày 15/08/2019

Dây & Cáp Lõi Nhôm, Cách Điện 0,6/1KV

STT	QUI CÁCH	ĐVT	LOẠI II	LOẠI I	
Dây Đơn Nhôm					
107	VA 25/10	đồng/kg	120.000		
108	VA 27/10	"	133.500		
109	VA 30/10	"	148.000		
110	VA 40/10	"	204.000		
	Cáp Nhôm Bọc	LOẠI III	LOẠI II	LOẠI II Xám	LOẠI I
111	AV 10		2.700	3.300	3.100
112	AV 16		3.300	3.400	4.100
113	AV 25	3.800	4.800	4.900	5.600
114	AV 35	6.200	7.100	7.200	7.500
115	AV 50	8.400	9.700	9.900	10.900
116	AV 50 -19s		11.400	11.500	11.900
117	AV 70		13.800	14.000	14.500
118	AV 70 -19s		15.500	15.700	16.000
119	AV 95		18.600	18.800	19.400
120	AV 95 -19s		19.900	20.100	20.400
121	AV 120		23.000	23.500	25.000
122	AV 150		30.000	30.500	
123	AV 185		35.500	35.900	38.500
124	AV 240				51.500
125	AV 300				63.000
DUPLEX LỎI NHÔM 02 DÂY Cách điện PVC					
126	Duplex AV 10		6.100		6.800
127	Duplex AV 16		7.400		8.800
128	Duplex AV 25	8.900	10.300		12.000
129	Duplex AV 35	13.200	15.000		15.900
130	Duplex AV 50	17.500	19.900		22.300
Cáp Nhôm Lõi Thép Bọc					
131	ASV 35/6	Đồng/mét	10.000		
132	ASV 50/8	"	12.700		
133	ASV 70/11	"	18.600		
134	ASV 95/16		27.000		

Giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT)

15/8/2019

- VPKD : 79/35 Âu Cơ, Phường 14, Quận 11, TP.HCM.
- ĐT : (028) 3 974 0553 – 3 974 2303 ; Fax : (028) 3860 1748.
- Nhà máy sản xuất : Lô 38, KCN Tân Tạo mở rộng, Quận Bình Tân, TP.HCM
- ĐT : 028 3756 2 954 ; Fax : 028 3756 2960. Email : taitruongthanh@hcm.vnn.vn

Số 01 :2018/BG.TACA

Ngày 15/08/2019

CÁP VOẪN XOẮN ABC Lõi Nhôm, Cách Điện 0,6/1KV

stt	QUI CÁCH	Kết cấu	ĐVT	Đơn giá
Cáp Voãn Xoắn 02 pha ABC Lõi Nhôm, Cách Điện XLPE 0,6/1KV				
1	ABC 2 x 10	2c x 7s/1,30	Đồng/mét	7.200
2	ABC 2 x 16	2c x 7s/1,70	"	8.900
3	ABC 2 x 25	2c x 7s/2,14	"	12.400
4	ABC 2 x 35	2c x 7s/2,50	"	15.100
5	ABC 2 x 50	2c x 7s/3,00	"	20.700
6	ABC 2 x 70	2c x 19s/2,10	"	28.400
7	ABC 2 x 95	2c x 19s/2,50	"	38.600
Cáp Voãn Xoắn 03 pha ABC Lõi Nhôm, Cách Điện XLPE 0,6/1KV				
8	ABC 3 x 16	3c x 7s/1,70	Đồng/mét	13.100
9	ABC 3 x 25	3c x 7s/2,14	"	18.400
10	ABC 3 x 35	3c x 7s/2,50	"	22.500
11	ABC 3 x 50	3c x 7s/3,00	"	30.700
12	ABC 3 x 70	3c x 19s/2,10	"	43.000
13	ABC 3 x 95	3c x 19s/2,50	"	57.900
Cáp Voãn Xoắn 04 pha ABC Lõi Nhôm, Cách Điện XLPE 0,6/1KV				
14	ABC 4 x 16	4c x 7s/1,70	Đồng/mét	17.300
15	ABC 4 x 25	4c x 7s/2,14	"	24.500
16	ABC 4 x 35	4c x 7s/2,50	"	30.100
17	ABC 4 x 50	4c x 7s/3,00	"	41.300
18	ABC 4 x 70	4c x 19s/2,10	"	57.300
19	ABC 4 x 95	4c x 19s/2,50	"	77.200
Cáp Voãn Xoắn ABC 04 pha (3 lớn + 1 nhỏ), Cách Điện XLPE 0,6/1KV				
20	ABC 3 x 25 + 1 x 16	3c x 7s/2,14 + 1c x 7s/1,70	Đồng/mét	22.800
21	ABC 3 x 35 + 1 x 25	3c x 7s/2,50 + 1c x 7s/2,14	"	28.700
22	ABC 3 x 50 + 1 x 35	3c x 7s/3,00 + 1c x 7s/2,50	"	38.400
23	ABC 3 x 70 + 1 x 50	3c x 19s/2,10 + 1c x 7s/3,00	"	53.700
24	ABC 3 x 95 + 1 x 70	3c x 19s/2,50 + 1c x 19s/2,10	"	72.100

Giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT)

Tất cả Bảng giá phát hành trước đây không còn giá trị nữa .